

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/DS-PT**
Ngày: 09-3-2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/DS-PT ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-PT ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020. Giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Ông Ngô Bá B, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái; (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam A, tỉnh Phú Thọ)

2. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1958;

3. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1980;

4. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1981;

5. Ông Ngô Bá T, sinh năm 1985;

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Đều vắng mặt.

6. Ông Ngô Bá N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Ngô Bá B, Phạm Thị S, Ngô Văn D, Ngô Bá T, Ngô Văn H là ông Ngô Bá N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Theo các văn bản ủy quyền ngày 05-6-2019 và 11-6-2019). Có mặt tại phiên tòa.

- *Đồng bị đơn:*

1. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Phạm Văn U

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Theo văn bản ủy quyền ngày 21-02-2020. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-6-2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 30-9-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đồng nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Bá N trình bày:

Ngày 15-12-1998, hộ ông Ngô Bá B được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Y, tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri P 198319 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 138 QSDĐ/ đối với 48.200m² đất gồm 13.200m² đất rừng trồng sản xuất tại thửa 882 và 35.000m² đất rừng tự nhiên sản xuất tại thửa 870 tờ bản đồ số 1 có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Ngô Bá B quản lý, sử dụng diện tích 48.200m² đất ổn định và không có tranh chấp. Đến năm 2006, khi ông Ngô Bá B phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam I thì hộ ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị G tự ý phát và lấn chiếm vào thửa số 870, tờ bản đồ số 1 với diện tích lấn chiếm là 8.362,4 m² đất. Mặc dù gia đình ông B đã gặp và trao đổi nhiều lần nhưng hộ ông M, bà G vẫn tiếp tục trồng cây trên diện tích đất đã lấn chiếm

Năm 2007, UBND tỉnh Yên Bái đã phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng chuyển sang mục đích rừng sản xuất (Trong đó có đất rừng tự nhiên sản xuất), tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 15-3-2007 sau được thay thế bằng Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22-5-2013. Vì vậy 35.000m² đất rừng tự nhiên sản xuất tại thửa 870 tờ bản đồ số 1 được UBND huyện Y cấp cho hộ ông Ngô Bá B ngày 15-12-1998 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri P 198319 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 138 QSDĐ/ được chuyển sang mục đích rừng trồng sản xuất.

Ngày 03-5-2018, hộ ông Ngô Bá B viết đơn đề nghị UBND xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc hộ ông M, bà G lấn chiếm đất nhưng không hòa giải được.

Nay đồng nguyên đơn yêu cầu hộ ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị G trả lại cho gia đình nguyên đơn diện tích 8.362,4 m² đất tại thửa số 870, tờ bản đồ số 1, có tại Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Giá trị diện tích đang tranh chấp tính theo giá tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND quy định bảng giá đất năm 2015 tại tỉnh Yên Bái, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 15-9-2017 là 10.000đồng/m². Các tài sản có trên đất do ông M, bà G lấn chiếm, nay yêu cầu ông bà tự thu hoạch trả lại đất cho gia đình.

Đồng bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị G trình bày:

Từ năm 1998, gia đình ông M, bà G có thu dọn một bãi đất trống liền kề với thửa đất của gia đình để trồng sắn phục vụ cho chăn nuôi, hiện trạng bãi đất trước khi gia đình thu dọn để trồng sắn là bãi đất đá và cỏ dại dây leo, đến năm 2000 chuyển sang trồng chè, bò đề, keo. Đến năm 2012, do sâu bệnh phá hoại cây bò đề, gia đình chuyển sang trồng cây mỡ và quế. Đến khoảng năm 2017, 2018 thì Công ty khoáng sản đến địa bàn xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái khảo sát đo đạc, thì được gia đình ông B cho biết diện tích đất gia đình ông M, bà G đang canh tác là đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông B. Trước thời điểm gia đình ông M, bà G trồng sắn thì gia đình ông B chưa một lần canh tác, trồng cây trên đất. Đến năm 2019 ông Ngô Bá N làm đơn ra UBND xã X, huyện Y yêu cầu giải quyết về đất đai, nhưng chưa giải quyết được, lần thứ hai do gia đình ông M, bà G đi khám bệnh nên không đến giải quyết.

Nay ông Ngô Bá N có đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông M, bà G trả lại diện tích 8.362,4m² đất tại thửa 870, tờ bản đồ số 1, gia đình ông M, bà G đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, nếu đất thuộc quyền quản lý của gia đình ông B theo quy định pháp luật thì gia đình ông M, bà G phải trả lại cho gia đình ông B, đề nghị gia

đình ông B hỗ trợ tiền cây cho gia đình hoặc tạo điều kiện cho gia đình tiếp tục chăm sóc cây đến tuổi khai thác sẽ trả lại đất cho gia đình ông B và đề nghị hỗ trợ tiền công khai thác.

Đối với số cây trồng trên đất tại thời điểm hiện tại khoảng 1000 cây mỡ+quế trong đó mỡ, quế trồng được 5-7 năm, chè khoảng 700 đến 800 cây, quế trong đồi chè khoảng 300 – 400 cây trồng 3-4 năm.

Tại phiên định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn và bị đơn thống nhất: Không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản trên đất; nếu đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông B thì gia đình ông M, bà G phải thu dọn để trả lại đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định: *Căn cứ các Điều 164; 166; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 158, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 166, 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Ngô Bá B, bà Phạm Thị S, ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn H, ông Ngô Bá T, ông Ngô Bá N.*

2. *Buộc ông Phạm Văn M bà Nguyễn Thị G trả cho Ông Ngô Bá B, bà Phạm Thị S, ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn H, ông Ngô Bá T, ông Ngô Bá N diện tích 8.362,4m² đất tại thửa số 870, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái được UBND huyện Y, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri P 198319 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 138 QSDĐ/ cho hộ ông Ngô Bá B. Các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất ông Phạm Văn M, Nguyễn Văn V gồm 02 đoạn có tổng chiều dài 138,70m (A1 đến A2 và A2-A3); phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn J, bà Bùi Thị Ấ gồm 01 đoạn có chiều dài 13,72m (A3-A20); phía Nam và Đông Nam giáp đất ông Hoàng Văn Ê gồm 04 đoạn có tổng chiều dài 98,88m (A20-A18 và A16-A15 và từ A14-A11), ông Hoàng Văn C gồm 02 đoạn có tổng chiều dài 25,41m (A18-A17 và A17-A16), ông Ô gồm 04 đoạn có tổng chiều dài 58,34m (A15-A14); phía Tây Nam giáp đất ông Phạm Văn M gồm 04 đoạn có tổng chiều dài 88,41m (A11-A12); phía Tây giáp đất khe nước gồm 8 đoạn có tổng chiều dài 57,79m (A1-A12). Vị trí, kích thước các cạnh cụ thể được xác định theo bản sơ đồ thửa đất do Trung tâm công nghệ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái lập ngày 30-10-2019, địa điểm: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Có sơ đồ kèm theo).*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-12-2019, đồng bị đơn ông Phạm Văn M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung:

- Diện tích đất 8.362,4 m² được gia đình sử dụng canh tác từ năm 1998 đến năm 2018 không xảy ra tranh chấp với ai.

- Quyết định của bản án sơ thẩm yêu cầu gia đình tôi phải thu dọn toàn bộ cây trên diện tích đất tranh chấp để trả đất cho nguyên đơn trong khi số cây đó đang phát triển bình thường và chưa đến độ tuổi khai thác là hủy hoại rừng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng số cây bị đơn đã trồng trên diện tích đất tranh chấp đều có thể khai thác được. Chỉ còn một số rất ít cây quế trồng xen là còn nhỏ, nhưng đều có thể thu hoạch bán được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, cả hai bên đều thống nhất không kiểm đếm, định giá cây và bị đơn đã có ý kiến nếu đất là của gia đình nguyên đơn thì bị đơn sẽ thu hoạch cây để trả đất.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận diện tích đất tranh chấp gia đình nguyên đơn đã được nhà nước cấp sổ đỏ tuy nhiên bị đơn cho rằng khi canh tác trồng cây trên đất gia đình nguyên đơn không có ý kiến tranh chấp gì nên đề nghị phía nguyên đơn phải hỗ trợ khai thác và thanh toán chi phí trồng số cây con chưa khai thác được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái có ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Y đã xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp đã được UBND cấp xã hòa giải nhưng không thành, đương sự khởi kiện ra Tòa án nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 15-12-1998, hộ ông Ngô Bá B được UBND huyện Y, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 48.200 m² đất gồm 13.200 m² đất rừng trồng sản xuất tại thửa số 882 tờ bản đồ số 1 và 35.000 m² đất rừng tự nhiên sản xuất tại thửa số 870 tờ bản đồ số 1; địa chỉ thửa đất tại Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái, vào sổ cấp giấy số 138/QSDĐ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật. Theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 15-3-2007 và Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22-5-2013 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt dự án Điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng thì diện tích 35.000 m² tại thửa 870 của hộ ông Ngô Bá B đã được điều chỉnh thành đất rừng trồng sản xuất thuộc khoảnh 12, tiểu khu 403 xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Y đã xác định được diện tích đất tranh chấp gia đình bị đơn đang sử dụng trồng cây là 8.362,4 m² là diện tích đất thuộc thửa đất số 870 tờ bản đồ số 1 đã được cấp cho hộ ông Ngô Bá B nói trên.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn thừa nhận khi canh tác trồng cây trên diện tích đất tranh chấp nói trên là không biết diện tích đất này đã được cấp cho hộ ông Ngô Bá B và không thấy gia đình ông B có ý kiến gì, chỉ đến khi anh Ngô Bá N làm đơn ra UBND xã yêu cầu giải quyết vào năm 2019 thì mới biết đất đã được cấp cho hộ ông B. Gia đình bị đơn không có bất kỳ một loại giấy tờ nào chứng minh cho quyền sử dụng diện tích đất nói trên.

Từ những căn cứ nêu trên, xét việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại 8.362,4 m² đất tranh chấp là có cơ sở, đúng pháp luật. Việc trong quá trình giải quyết, xem xét thẩm định cả hai bên đương sự đều thống nhất không kiểm đếm, định giá số tài sản là cây trồng trên đất và có ý kiến thống nhất nếu là đất của gia đình ông Ngô Bá B thì gia đình ông M, bà G sẽ tự thu dọn cây để trả lại đất là sự tự nguyện của các bên, không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm và cho rằng việc bị đơn trồng cây trên đất không bị gia đình ông B phản đối, nay phải thu dọn cây trả lại đất thì gia đình nguyên đơn phải tính toán hỗ trợ công khai thác và thanh toán tiền chi phí trồng số cây còn nhỏ chưa đến tuổi khai thác cho bị đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng; Việc gia đình bị đơn tự ý trồng cây trên đất đã được cấp cho nguyên đơn; trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cả hai bên đã có ý kiến thống nhất về việc tự thu dọn cây để trả lại đất và tại phiên tòa hôm nay các bên không thỏa thuận về nội dung này nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn M kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn Phạm Văn M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn M phải chịu 300.000, đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Phạm Văn M (người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Văn U) đã nộp đủ số tiền 300.000, đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số: AA/2013/06813 ngày 12-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA. (10b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Hồng Quân